TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2016-2017

Mã học phần/Nhóm: 4040413 nhóm 01 Tên học phần: Khoáng sản Việt Nam Số tín chỉ: 2

Mã CBGD: 0404-02 Tên CBGD: Nguyễn Quang Luật

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321040008L	Silavong Thipphavone .	15/07/1993	DCDCDC_58A	9	9	8	9	8.7	10	10	10	9.0	
2	1221020231	Ngô Tuấn Anh	22/04/1994	DCDCDC57A	8.5	7	8	8	7.7	8	8	8	8.2	
3	1221020237	Nguyễn Tuấn Anh	06/11/1994	DCDCCT57A	8	7.5	8	8	7.8	8	9	8.5	8.0	
4	1321020015	Mai Thị Ngọc ánh	25/05/1994	DCDCDC_58B	9	8.5	8	8.5	8.3	9	9	9	8.8	
5	1321020422	Nguyễn Ngọc ánh	23/10/1995	DCDCDC_58B	8	8.5	8	8.5	8.3	9	9	9	8.2	
6	1021020014	Nguyễn Thiện Hải Bắc	11/09/1992	DCDCDC_55A	8	7	8	8	7.7	9	9	9	8.0	
7	1321020027	Phan Thị Chinh	01/04/1995	DCDCDC_58B	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	
8	1221020020	Chu Khắc Doanh	01/09/1994	DCDCCT57B	9	8	8	8	8	10	10	10	8.8	
9	1321020043	Nguyễn Bá Dũng	08/10/1995	DCDCDC_58B	8.5	8	8	8	8	9	9	9	8.4	
10	1221020026	Hoàng Đức Duy	04/10/1994	DCDCTV57A	8.5	8	8	8	8	8	8	8	8.3	
11	1221020029	Trần Văn Duy	05/10/1994	DCDCCT57B	7.5	7	8	8	7.7	10	10	10	7.8	
12	1221020031	Phạm Quang Dương	29/10/1994	DCDCCT57A	8.5	8.5	8	8.5	8.3	9	9	9	8.5	
13	1221020037	Nguyễn Tiến Đạt	14/01/1994	DCDCCT57A	9	6.5	8	8	7.5	9	9	9	8.6	
14	1221020040	Nguyễn Viết Đệ	30/08/1993	DCDCNK57	7	8.5	8	8.5	8.3	9	9	9	7.6	
15	1321020071	Tăng Văn Đông	19/01/1995	DCDCDC_58A	7	7	8	8	7.7	9	9	9	7.4	
16	1221020204	Tống Đức Đông	15/03/1994	DCDCTV57A	8	7.5	8	8	7.8	8	8	8	7.9	
17	1221020220	Phạm Minh Đức	25/03/1994	DCDCCT57B	7.5	7.5	8	8	7.8	10	10	10	7.8	
18	1321020075	Vũ Văn Đức	20/03/1995	DCDCTV58A	9	6.5	8	8	7.5	9	9	9	8.6	
19	1221020292	Đoàn Minh Hải	06/05/1994	DCDCDC57A	8.5	6	8	8	7.3	7	7	7	8.0	
20	1321020523	Nguyễn Đình Hạnh	08/10/1995	DCDCDC_58B	7	8.5	8	8.5	8.3	9	9	9	7.6	
21	1421020344	Vương Thị Hằng	09/02/1996	DCDCCT59B	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
22	1221020298	Vũ Duy Hậu	23/04/1994	DCDCCT57B	8	8	8	8	8	10	10	10	8.2	
23	1221020310	Đỗ Văn Hiến	14/06/1994	DCDCNK57	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
24	1321020098	Cảnh Chí Hiếu	23/06/1995	DCDCDC_58B	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
25	1221050044	Đào Thanh Hiếu	06/03/1994	DCDCCT57B	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
26	1221020313	Nguyễn Trung Hiếu	04/11/1994	DCDCCT57B	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
27	1221020062	Vũ Đức Hiếu	13/07/1994	DCDCCT57B	7	6.5	8	8	7.5	9	10	9.5	7.4	
28	1221020065	Nguyễn Thị Khánh Hòa	30/04/1994	DCDCTV57A	9	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.9	
29	1121020075	Trần Biên Hòa	13/09/1993	DCDCNK56	8	6.5	8	8	7.5	9	9	9	8.0	
30	1221020304	Nguyễn Văn Hùng	05/10/1994	DCDCDC57A	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
31	1321020564	Hoàng Văn Huy	28/05/1993	DCDCDC_58A	9	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.9	
32	1321020571	Trần Thị Huyền	20/12/1995	DCDCDC_58A	8.5	9	8.5	9	8.8	10	10	10	8.7	
33	1321020124	Vi Văn Hướng	16/02/1995	DCDCDC_58B	9	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.9	
34	1221020343	Dương Trung Kỳ	24/04/1994	DCDCDC57B	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
35	1221020088	Hoàng Đình Lập	18/09/1994	DCDCCT57B	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
36	1221020361	Nguyễn Văn Linh	21/07/1994	DCDCCT57B	9	8	8	8	8	10	10	10	8.8	
37	1221020376	Ngô Văn Lĩnh	15/10/1993	DCDCDC57A	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
38	1221020364	Nguyễn Thị Loan	15/10/1994	DCDCDC57A	8.5	9	8	9	8.7	9	9	9	8.6	
39	1221020366	Đoàn Ngọc Long	14/05/1994	DCDCCT57A	8	7.5	8	8	7.8	9	9	9	8.0	
40	1221020373	Vũ Thành Long	11/07/1994	DCDCCT57B	9	7	8	8	7.7	10	10	10	8.7	
41	1321020141	Vũ Vân Long	19/04/1995	DCDCCT58B	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
42	1321020622	Phạm Thị Trà Mai	19/01/1995	DCDCTV58B	8.5	9	8	9	8.7	10	10	10	8.7	
43	1221020389	Nguyễn Tuấn Minh	18/12/1994	DCDCTV57B	8	6.5	8	8	7.5	8	8	8	7.9	
44	1321020152	Lâm Văn Mừng	27/08/1995	DCDCDC_58B	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
45	1221020100	Nguyễn Thành Nam	14/07/1994	DCDCCT57B	9	7	8	8	7.7	9	9	9	8.6	

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2016

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Le Thi Thu

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Luật

Phòng Đào tạo Đại học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2016-2017

Mã học phần/Nhóm: 4040413 nhóm 01 Tên học phần: Khoáng sản Việt Nam Số tín chỉ: 2

Mã CBGD: 0404-02 Tên CBGD: Nguyễn Quang Luật

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
46	1221020400	Trần Đình Nam	08/05/1994	DCDCDC57A	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
47	1321020167	Phạm Thị Thúy Phương	08/08/1995	DCDCDC_58B	8.5	9	8	9	8.7	10	10	10	8.7	
48	1321020678	Nguyễn ích Quang	07/02/1995	DCDCDC_58B	9	8	8	8	8	10	10	10	8.8	
49	1321020682	Hoàng Văn Quân	16/01/1995	DCDCDC_58A	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
50	1221020428	Lê Anh Quân	16/12/1994	DCDCCT57B	8	7	8	8	7.7	10	10	10	8.1	
51	1221020430	Nguyễn Xuân Quân	17/08/1993	DCDCNK57	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
52	1221080061	Lê Thị Quỳnh	25/09/1994	DCDCDC57A	8.5	9	8	9	8.7	10	10	10	8.7	
53	1221020131	Đặng Duy Tài	05/04/1993	DCDCDC57A	8.5	8	8	8	8	10	10	10	8.5	
54	1321020712	Nguyễn Văn Thanh	09/08/1995	DCDCNK58	9	8	8	8	8	10	10	10	8.8	
55	1221020459	Nguyễn Bá Thành	18/08/1994	DCDCTV57A	8	7	8	8	7.7	8	8	8	7.9	
56	1221020141	Nguyễn Mai Thắng	02/05/1994	DCDCDC57A	9	8	8	8	8	8	8	8	8.6	
57	1421020156	Nguyễn Thị Thoa	20/08/1996	DCDCDC_59B	9	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.9	
58	1321020205	Nguyễn Thị Thoa	31/05/1994	DCDCDC_58B	9	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.9	
59	1221020148	Lê Thị Thu	20/09/1994	DCDCDC57A	9	9	8	9	8.7	10	10	10	9.0	
60	1221020480	Phạm Bình Thuận	11/01/1994	DCDCTV57A	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
61	1421020602	Phạm Thanh Thủy	18/04/1995	DCDCDC_59B	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
62	1221020152	Phan Văn Thường	27/11/1994	DCDCCT57B	7	7	8	8	7.7	10	10	10	7.5	
63	1221020153	Hoàng Mạnh Tiến	24/10/1994	DCDCDC57B	8	7.5	8	8	7.8	10	10	10	8.1	
64	1221020154	Nguyễn Ngọc Tiến	14/08/1994	DCDCCT57B	7	8	8	8	8	10	10	10	7.6	
65	1321020762	Trần Thị Thu Trang	16/09/1995	DCDCDC_58B	9	9	8	9	8.7	10	10	10	9.0	
66	1321020783	Lê Văn Tuấn	23/03/1995	DCDCDC_58B	9	9	8	9	8.7	9	9	9	8.9	
67	1221020172	Vũ Đức Tuấn	03/08/1994	DCDCDC57A	8	8	8	8	8	9	9	9	8.1	
68	1221020173	Hà Xuân Tùng	15/03/1994	DCDCTV57A	8.5	8	8	8	8	7	7	7	8.2	
69	1221020540	Trần Thị Tuyết	02/01/1994	DCDCCT57B	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	
70	1421020191	Nguyễn Thị Uyên	11/10/1996	DCDCDC_59B	9	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.9	
71	1221020543	Nguyễn Thị Vân	01/08/1994	DCDCCT57B	9	9	8.5	9	8.8	10	10	10	9.0	
72	1121020227	Phùng Văn Vượng	17/06/1993	DCDCNK56	8.5	6.5	8	8	7.5	9	9	9	8.3	
73	1321020817	Bùi Thị Hà Xuyên	12/01/1995	DCDCDC_58B	8.5	8.5	8	8.5	8.3	10	10	10	8.6	

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2016

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Thu

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Luật